

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Kế hoạch số 05-KH/BCĐ ngày 11/7/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 05-KH/BCĐ); Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 27/7/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh (viết tắt là Kế hoạch số 03-KH/BCĐ) về hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên; Công văn số 1597-CV/ĐU ngày 27/7/2026 của Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hoá đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ của tỉnh để thực hiện kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương, Kế hoạch số 05-KH/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương và Kế hoạch số 03-KH/BCĐ của Ban Chỉ đạo tỉnh, Công văn số 1597-CV/ĐU của Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm tập trung xử lý dứt điểm đối với các điểm nghẽn về chuyển đổi số của tỉnh và tạo chuyển biến thực chất trong 100 ngày.

b) Tạo bước chuyển rõ rệt trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, điều hành và phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp vận hành đồng bộ, thông suốt, an toàn, dựa trên dữ liệu; giảm thao tác thủ công, giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí cho cơ quan, cán bộ, người dân, doanh nghiệp.

c) Thiết lập kỷ luật, nguyên tắc thống nhất trong quản trị dữ liệu, hạ tầng, nền tảng số và bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu; khắc phục đầu tư phân tán, cát cứ dữ liệu, trùng lặp hệ thống và tình trạng nguồn lực đã bố trí nhưng triển khai, giải ngân chậm.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức thực hiện theo nguyên tắc: “Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”. Người đứng đầu cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về sản phẩm cuối cùng; cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm về chất lượng và tiến độ thực hiện nhiệm vụ phối hợp theo phân công.

b) Nhiệm vụ chỉ được xác nhận hoàn thành khi có sản phẩm đáp ứng đầy đủ yêu cầu, tiêu chí được giao và có minh chứng kiểm chứng được. Đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng và dịch vụ số, sản phẩm phải vận hành được, có dữ liệu, có người sử dụng thực tế và bước đầu phát huy hiệu quả; không xác nhận hoàn thành đối với sản phẩm còn là dự thảo, chưa được ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc chưa đưa vào sử dụng, trừ trường hợp sản phẩm được giao là hồ sơ trình cấp có thẩm quyền.

c) Triển khai đồng bộ giữa các sở, ban, ngành và địa phương; ưu tiên dùng chung, tích hợp, chia sẻ, tái sử dụng; không đầu tư mới hệ thống, phần mềm, cơ sở dữ liệu trùng chức năng khi đã có nền tảng dùng chung đáp ứng yêu cầu.

d) Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu ngay từ khâu thiết kế; mọi hệ thống trọng yếu phải được xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ; hệ thống thông tin quan trọng phải được kiểm thử độc lập, phương án ứng cứu, sao lưu và khôi phục dữ liệu trước khi vận hành chính thức.

đ) Cập nhật, giám sát tiến độ hằng tuần, hằng tháng trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương (tại địa chỉ theodoinq.dcs.vn), trong đó nêu rõ các nhiệm vụ chậm, nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp xử lý.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN

1. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Các điểm nghẽn thuộc 10 nhóm vấn đề về thể chế; hạ tầng số; dữ liệu số; nền tảng số; dịch vụ công trực tuyến; kinh tế số; xã hội số; nguồn nhân lực; tài chính và giải ngân; kỷ luật thực thi và tuân thủ.

b) Đối tượng thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường.

2. Thời gian: Thực hiện trong 100 ngày làm việc, từ ngày 30/7/2026 đến hết ngày 30/11/2026.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nhóm nhiệm vụ về Thể chế

- Rà soát, lập danh mục quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; đề xuất phương án xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Trung ương, gửi Bộ Tư pháp.

- Triển khai các văn bản hướng dẫn thi hành luật về chuyển đổi số, luật dữ liệu, Nghị quyết phát triển công dân số, Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số theo đề nghị của bộ, ngành.

- Rà soát, ban hành, cập nhật đồng bộ quy chế quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, nền tảng số của tỉnh (khỏi chính quyền).

2. Nhóm nhiệm vụ về Hạ tầng số

- Rà soát, các điểm lỗi sóng tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo, y tế công lập.

- Hoàn thiện nâng cấp mạng nội bộ (LAN) đạt tiêu chuẩn ATTT cấp độ 2; rà soát, mua sắm bổ sung máy tính đảm bảo hoạt động của cán bộ công chức trên môi trường mạng.

- Rà soát, thống kê nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối, máy tính, phần mềm... ưu tiên phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

- Kiểm kê 100% trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ của các cơ quan trên địa bàn; đánh giá mức độ đáp ứng; xây dựng phương án chuyển dịch hoặc dừng hạ tầng nhỏ lẻ, kém hiệu quả

- Rà soát, phê duyệt cấp độ an toàn 100% hệ thống thông tin của tỉnh; cập nhật dữ liệu phục vụ Bản đồ cấp độ an ninh mạng quốc gia; Hoàn thành hồ sơ cấp độ, kiểm thử xâm nhập và đánh giá độc lập trước khi vận hành hoặc mở rộng; Kết nối các hệ thống quan trọng của tỉnh với đầu mối giám sát 24/7; chia sẻ thông tin giám sát an ninh mạng với Trung tâm An ninh mạng quốc gia (tối thiểu hệ thống cấp độ 3 trở lên); định kỳ kiểm tra tài khoản, phân quyền; Phối hợp Bộ Công an kiểm tra, đánh giá hệ thống mạng gửi, nhận, xử lý văn bản mật khối Đảng của tỉnh; tham gia diễn tập liên khối về phòng, chống tấn công mạng.

3. Nhóm nhiệm vụ về Dữ liệu số

- Cập nhật khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ liệu của tỉnh theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Khung kiến trúc tổng thể mới khi được ban hành.

- Tập trung số hóa, tạo lập, cập nhật và làm sạch dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu ưu tiên: Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức; Cơ sở dữ liệu đất đai; Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, cận nghèo; Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh (hy.check.net.vn); Hệ thống thông tin Quản lý giáo dục (CSDL ngành); Nền tảng học bạ số; Dữ liệu văn bằng, chứng chỉ số; Cơ sở dữ liệu về khám chữa bệnh (bệnh án điện tử); CSDL nền tảng sổ sức khỏe điện tử; Hệ thống thông tin sức khỏe bà mẹ và trẻ em/sức khỏe sinh sản; Cơ sở dữ liệu khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế; Sàn thương mại điện tử; Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Chuẩn hóa, đối soát, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi tỉnh phục vụ hoàn thiện 104 CSDL (Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ) theo yêu cầu của bộ, ngành và cơ quan chủ quản.

4. Nhóm nhiệm vụ về Nền tảng số

- Phối hợp với Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia và các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành, địa phương hoạt động thống nhất, thông suốt, ổn định; công khai giám sát theo thời gian thực về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng gắn với trách nhiệm

cụ thể của từng đơn vị giải quyết TTHC.

- Triển khai đăng nhập một lần qua VNeID; tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống dùng chung của tỉnh đủ điều kiện (bao gồm hệ thống khối Đảng, HĐND, MTTQ đủ điều kiện).

- Triển khai công cụ độc lập đánh giá mức độ sử dụng, thu thập phản hồi người dùng vào các nền tảng của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Nhóm nhiệm vụ về Dịch vụ công trực tuyến

- Nâng cao kết quả theo Bộ chỉ số 766/QĐ-TTg: số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, thanh toán trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu, xử lý đúng hạn; phân đầu cải thiện thứ hạng của tỉnh trên bảng xếp hạng hằng tháng.

- Tái cấu trúc các TTHC thuộc danh mục 80 TTHC theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP có liên quan đến tỉnh; cập nhật quy trình điện tử, biểu mẫu

- Phối hợp kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với các CSDL đã công bố và các CSDL mới hoàn thành; tự động điền, xác thực và tái sử dụng dữ liệu.

- Lựa chọn, ban hành danh mục tối thiểu 05 TTHC tần suất cao để tái thiết kế quy trình theo hướng đơn giản hóa hồ sơ, giảm thao tác trên môi trường số; tổ chức thực hiện, kiểm thử, đánh giá hiệu quả.

6. Nhóm nhiệm vụ về Kinh tế số

- Phối hợp Bộ Công Thương xây dựng thí điểm CSDL tập trung dữ liệu về thương mại điện tử; tăng cường quản lý hàng giả, gian lận thương mại trên môi trường số.

- Xây dựng, công bố danh mục dữ liệu mở và dịch vụ dữ liệu của tỉnh có thể khai thác an toàn; chuẩn hóa, công bố tài liệu API và điều kiện sử dụng

7. Nhóm nhiệm vụ về Xã hội số

- Triển khai chuẩn dữ liệu học bạ điện tử, văn bằng, chứng chỉ số, mã định danh người học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sẵn sàng đăng ký tham gia thí điểm xác thực trên VneID.

- Triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID tại 100% cơ sở khám, chữa bệnh; chuẩn hóa, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, bảo hiểm.

8. Nhóm nhiệm vụ về Nguồn nhân lực

- Tổ chức cho cán bộ tham mưu, chuyên trách, vận hành hệ thống, giải quyết TTHC tham gia đào tạo về dữ liệu, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo trên Nền tảng Bình dân học vụ số; có kiểm tra kết quả đầu ra.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP.

9. Nhóm nhiệm vụ về Tài chính giải ngân

- Khẩn trương, nghiêm túc thực hiện giải ngân vốn đã giao năm 2026 để tránh việc tồn đọng vốn đã giao trong khi hạ tầng, trang thiết bị, dữ liệu còn hạn chế.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lập dữ toán các nhiệm vụ đã giao năm 2026 nhưng chưa đủ điều kiện phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện.

10. Nhóm nhiệm vụ về Kỷ luật thực thi

- Nghiêm túc cập nhật tiến độ, minh chứng hằng tuần, hằng tháng trên Hệ thống *theodoing.dcs.vn*.

- Tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao để kịp thời đánh giá kết quả đạt được và nắm bắt những khó khăn, vướng mắc để phối hợp tháo gỡ trong quá trình triển khai.

- Gắn đánh giá kết quả thực hiện với đánh giá cán bộ công chức. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chính về kết quả triển khai nhiệm vụ được giao của cơ quan đơn, vị mình.

(Chi tiết nhiệm vụ tại Phụ lục 1, 2 và 3 kèm theo Kế hoạch này).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

a) Căn cứ vào Kế hoạch này và nhiệm vụ cụ thể được giao, xây dựng Kế hoạch, đường găng tiến độ cụ thể của cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện, phân đấu hoàn thành trước thời hạn Kế hoạch này đề ra.

Chủ động huy động và điều phối nguồn lực; thực hiện đồng thời, đúng quy định các thủ tục về chuẩn bị đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ, tạo lập dữ liệu, đào tạo, bảo đảm an ninh mạng và giải ngân kinh phí; không chờ có đủ mọi điều kiện mới bắt đầu triển khai. Kế hoạch gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) trước ngày 05/8/2026.

b) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng, sản phẩm đầu ra và kết quả thực hiện; trực tiếp chỉ đạo, phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách, xác định đầu mối thường trực và phối hợp cập nhật đầy đủ thông tin đầu mối, kế hoạch thực hiện trên Hệ thống theo dõi Nghị quyết.

c) Đối với nhiệm vụ liên ngành, cơ quan chủ trì có trách nhiệm chủ động phân công rõ trách nhiệm, sản phẩm, thời hạn thực hiện của từng cơ quan phối hợp; kịp thời trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ chung.

d) Xây dựng, tạo lập, quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Công an tỉnh trong việc rà soát, đối sánh, làm sạch dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và triển khai Đề án 06.

đ) Định kỳ hằng tuần, hằng tháng tự kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện; đối với nhiệm vụ có nguy cơ chậm từ 5 ngày trở lên, phải kịp thời xây dựng, triển khai phương án khắc phục và báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp.

e) Trường hợp đã áp dụng các biện pháp khắc phục nhưng vẫn không thể hoàn thành đúng hạn do nguyên nhân khách quan, cơ quan chủ trì phải báo cáo

cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30/10/2026 đối với các nhiệm vụ thật sự cần thiết, cấp bách.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được phân công tại Phụ lục; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, chủ trì phối hợp kiểm tra tiến độ, kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời tham mưu giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch.

c) Tổng hợp báo cáo kết quả hằng tuần theo quy định của Ban Chỉ đạo tỉnh tại Kế hoạch số 03-KH/BCĐ; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện hằng tháng. Sau khi kết thúc 100 ngày làm việc, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương theo quy định.

d) Chủ trì theo dõi tiến độ đối với nhiệm vụ quan trọng, nhiệm vụ có nguy cơ chậm; tổng hợp hằng tuần, hằng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời công khai danh sách nhiệm vụ chậm, cơ quan chậm.

e) Chủ động phân công cán bộ, công chức theo dõi tiến trình, kết quả thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, gắn với trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ được giao, là một trong những căn cứ thực hiện đánh giá xếp loại cán bộ, công chức hằng quý và cả năm.

f) Chủ trì cập nhật tiến độ thực hiện hằng tuần, hằng tháng trên Hệ thống *theodoing.dcs.vn*.

3. Công an tỉnh

a) Hướng dẫn các sở, ngành, UBND cấp xã thực hiện rà soát, đối sánh, làm sạch các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm dữ liệu ‘đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung’; tham mưu, đề xuất việc kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ triển khai Đề án 06.

b) Phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục kèm Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Văn phòng UBND tỉnh

Chịu trách nhiệm theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; phối hợp tham mưu giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

5. Chế độ báo cáo

a) Các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước 09h00' thứ Sáu hằng tuần hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm

thường xuyên rà soát, quyết tâm, quyết liệt chỉ đạo triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo, đề xuất các nhiệm vụ có khả năng không đạt tiến độ, thời hạn (nếu có lý do khách quan, bất khả kháng), đồng thời đề xuất giải pháp, tiến độ phù hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) xem xét quyết định **trước khi đến hạn ít nhất 05 ngày**.

b) Báo cáo phải phản ánh đúng tiến độ, sản phẩm, kết quả và các khó khăn, vướng mắc; không chỉ nêu tỉ lệ hoàn thành mà thiếu sản phẩm, số liệu và minh chứng kiểm chứng được. Trường hợp báo cáo không chính xác, người phê duyệt báo cáo và cơ quan báo cáo phải kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm.

6. Kiểm tra, giám sát, kiểm điểm tiến độ

a) Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã có trách nhiệm chủ động, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương tại Kế hoạch này; bảo đảm các hoạt động này tuân thủ đúng tiến độ và đạt yêu cầu về chất lượng theo Kế hoạch đã đề ra.

b) Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh chủ động lồng ghép việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này trong nội dung kiểm tra thuộc Kế hoạch số 288/KH-BCĐ ngày 23/7/2026 của Ban Chỉ đạo 57 UBND tỉnh về kiểm tra công tác chuyển đổi số năm 2026, xác định rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và nhiệm vụ cụ thể của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo giải trình, làm rõ nguyên nhân, lý do khách quan cũng như chủ quan đối với các nhiệm vụ bị chậm, muộn so với tiến độ quy định, các giải pháp khắc phục và cam kết tiến độ mới; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân trong việc để nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của mình không hoàn thành đúng thời hạn.

d) Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, chỉ đạo xử lý vi phạm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- CV: KGVX^{Ph};
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Hòa